

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 5 - 2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật.

Bà Nguyễn Thị Sen.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị Bích L), sinh năm 1963; Địa chỉ: Cụm 11, C, Thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Bà Tạ Thị Bích Hạnh- Luật sư Công ty luật TNHH Ánh Kim thuộc đoàn luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1958; Địa chỉ: Cụm 11, C, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Tiến H ngày 20/4/1983 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND C, Thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, ông H là người không có trách nhiệm đến gia đình, làm ăn kinh tế bị thua lỗ, vay nợ nhiều người nên bà đã phải trả nợ cho ông H, vợ chồng sống ly thân hơn hai năm nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn ông H.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Tiến H có 01 con chung là anh Nguyễn Tiến Hưng, sinh năm 1984, anh Hưng đủ tuổi trưởng thành đã xây dựng gia đình nên không phải giải quyết.

Về tài sản chung, về công sức, về nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết;

* Bị đơn ông Nguyễn Tiến H có bản tự khai trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị Bích L) có đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/1983 tại UBND xã Tân Hội; huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, ông, bà lấy nhau trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình được một thời gian thì gia đình cho vợ chồng ăn ở riêng. Vợ chồng sống với nhau đến năm 1996 thì bà L đi lao động tại Hàn Quốc, năm 2004 bà L về nước đến năm 2006 bà L lại tiếp tục đi nước ngoài đến năm 2018 bà L về nước, trong thời gian đi nước ngoài tình cảm vợ chồng đã dần nứt, bà L có quan hệ ngoài luồng nên có tình ruồng bỏ ông, sau khi bà L về nước tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, vợ chồng sống ly thân nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà L có tình ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết đơn phương cho bà L.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị L có 01 con chung là anh Nguyễn Tiến Hưng, sinh năm 1984, anh Hưng đủ tuổi trưởng thành đã xây dựng gia đình nên không phải giải quyết.

Về tài sản chung, về công sức, về nợ: Sau khi cưới ông được bố mẹ ông cho ông thửa đất số 1206, tờ bản đồ số 03, diện tích 112,1m² ở cụm 11, C, Thành phố Hà Nội. Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ cho ông và đã được UBND huyện Đan Phượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông ngày 19/12/2012. Nay ly hôn bà L không yêu cầu giải quyết về tài sản ông nhất trí.

Về công sức, về nợ: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án báo ông Nguyễn Tiến H đến làm việc, ông H có đến Tòa án trình bày ký kiến nhưng không ký biên bản.

Tại phiên tòa: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị L và bà L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Nguyễn Tiến H, về con chung: Bà L và ông H có 01 con chung là anh Nguyễn Tiến Hưng, anh Hưng đủ tuổi trưởng thành nên không phải giải quyết, về tài sản chung, về nợ: Bà L không yêu cầu giải quyết.

Ông Nguyễn Tiến H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật hôn nhân gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị Bích L), đồng ý cho bà L được ly hôn với ông Nguyễn Tiến H. Về con: Bà L và ông H có 01 con

chung là anh Nguyễn Tiến Hưng, sinh năm 1984, anh Hưng đủ tuổi trưởng thành nên không phải giải quyết, về tài sản chung: Bà L và ông H không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị Bích L) có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đối với ông Nguyễn Tiến H, có địa chỉ tại Cụm 11 C, Thành phố Hà Nội, theo qui định thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng qui định, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, tuy nhiên ông Nguyễn Tiến H có đến Tòa án làm việc viết bản tự khai nhưng không ký các văn bản tố tụng. Căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 11/5/2022 Tòa án mở phiên tòa do ông Nguyễn Tiến H vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo trình tự tố tụng pháp luật qui định.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tiến H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân C, Thành phố Hà Nội vào ngày 20/4/1983 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra thì thấy rằng: Sau khi kết hôn, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tiến H chung sống cùng gia đình được một thời gian thì gia đình cho vợ chồng ăn ở riêng. Bà L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do tính cách không hợp nhau, ông H là người không có trách nhiệm đến gia đình, vợ chồng sống ly thân hơn hai năm nay. Nay bà L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn ông H. Ông H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do bà L đi lao động sinh sống ở nước ngoài nhiều năm nên tình cảm vợ chồng dần nứt, bà L còn có tình cảm với người khác nên cố tình xin ly hôn ông. Năm 2018 bà L về nước, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà L xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết đơn phương cho bà L.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L thì Hội đồng xét xử xét thấy: Qua điều tra xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương cũng như nguyện vọng xin được ly hôn của bà L thì thấy rằng, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tiến H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống xa nhau trong thời gian nhiều năm, đến khi bà L và ông H có điều kiện được ở gần nhau, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, vẫn sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Nguyễn Thị L. Xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Tiến H.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tiến H có 01 con chung là anh Nguyễn Tiến Hưng, sinh năm 1984, anh Hưng đã đủ tuổi trưởng thành nên không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, về công sức, về nợ: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tiến H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị Bích L).

Xử: Bà Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị Bích L) được ly hôn ông Nguyễn Tiến H.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tiến H có 01 con chung là anh Nguyễn Tiến Hưng, sinh năm 1984, anh Hưng đủ tuổi trưởng thành nên không phải giải quyết.

3. Về tài sản chung, về công sức, về nợ: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tiến H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002720 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Tiến H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Tân Hội.,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết